TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 195/2020/HC-PT
Ngày: 20/7/2020
V/v: Khiếu kiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;
Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 261/2019/TLPT-HC ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 16/2019/HC-ST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5043/2020/QĐPT-HC ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lâm Văn D, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D:

Ông Triệu Hạnh H-Luật sư Văn phòng Luật sư T- Đoàn luật sư tỉnh B; vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn T-Luật sư Văn phòng Luật sư H - Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh B: Ông Mai V; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L; có mặt.

3.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân xã Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn B - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q; có mặt.

3.4. Ông Hứa Quốc C, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh B; có mặt.

3.5. Ông Vi Văn V, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh B; có mặt.

3.6. Bà Leo Thị T, sinh năm 1955; vắng mặt.

3.7. Anh Lâm Văn S, sinh năm 1975; có mặt.

3.8. Chị Vi Thị N, sinh năm 1978; có mặt.

3.9. Anh Lâm Văn R, sinh năm 1988; vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh B.

3.10. Chị Lâm Thị M, sinh năm 1977; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện L, tỉnh B.

3.11. Chị Lâm Thị O, sinh năm 1979.Địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện L, tỉnh B; vắng mặt.

3.12. Chị Lâm Thị F, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh B; vắng mặt.

(Bà T, anh S, chị N, anh R, chị M, chị O, chị F đều ủy quyền cho ông Lâm Văn D tham gia tố tụng.)

Người kháng cáo: Ông Lâm Văn D; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 11/11/1998, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh B ban hành Quyết định số 1471/QĐ-CT về việc chuyển mục đích sử dụng 9.566m^2 đất nông nghiệp tại khu Ba Nhà Đổ hay còn gọi là xứ đồng Nhà Đổ, Thôn A, xã Q, huyện L để giao đất ở cho nhân dân trong xã Q.

Đến năm 1999, UBND xã Q làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất nông nghiệp cho các hộ dân Thôn A (bao gồm cả phần diện tích đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng làm đất ở theo Quyết định số 1471/QĐ-CT).

Ngày 31/7/1999, UBND huyện L ban hành Quyết định số 324/QĐ-UB cấp GCNQSD đất cho 1.632 hộ sử dụng đất nông nghiệp ở xã Q; trong đó có thửa đất số 203, tờ bản đồ số 14 diện tích 480m^2 tại xứ đồng Ba Nhà Đổ của gia đình ông

Lâm Văn D đã được chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp sang đất ở theo Quyết định số 1471/QĐ-CT trên.

UBND xã Q triển khai thực hiện Quyết định số 1471/QĐ-CT ngày 11/11/1998 đã giao đất và đền bù cho các hộ gia đình, cá nhân. Trong đó có hộ ông Lâm Văn D được tính toán tiền hỗ trợ là 1.087.000 đồng, ông D đã đồng thuận với phương án thực hiện của UBND xã Q và nộp tiền chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất ở. Ngày 23/01/2003, gia đình ông D được cấp GCNQSD đất đối với diện tích 174m^2 đất ở mang tên con trai ông là Lâm Văn S (khi đó đứng tên chủ hộ).

Năm 2009, ông Hứa Quốc C gửi đơn đến các cơ quan huyện, tỉnh đề nghị được xác định ranh giới diện tích đất theo GCNQSD đất đã được cấp. Chủ tịch UBND huyện đã giao cho Thanh tra huyện xác minh các nội dung đơn của ông Hứa Quốc C.

Ngày 12/3/2009, UBND huyện L ban hành Quyết định số 358/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp để chỉnh lý diện tích đúng với mục đích, hiện trạng sử dụng đất của các chủ sử dụng tại Thôn A, xã Q (Trong danh sách 18 hộ bị thu hồi có ông Hứa Quốc C và ông Lâm Văn D) và giao phòng Tài nguyên và Môi trường thu hồi chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ trên theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi có quyết định thu hồi GCNQSD đất đã cấp không đúng mục đích của 18 hộ, hầu hết các hộ đã chấp hành quyết định của UBND huyện L. Hộ ông D không chấp hành việc nộp lại GCNQSD đất được cấp năm 1999 (để chỉnh lý) và không trả lại phần diện tích đất nông nghiệp đã được chuyển mục đích sử dụng và cấp GCNQSD đất ở năm 2003**.**

Ngày 23/10/2009, UBND huyện L ban hành Quyết định số 1314/QĐ-UBND thu hồi diện tích đã cấp GCNQSD đất 343m^2 trong diện tích 480m^2 của hộ ông Lâm Văn D với lý do cấp trùng phần diện tích đã có quyết định thu hồi chuyển mục đích để giao đất ở theo Quyết định số 1471/QĐ-CT ngày 11/11/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 05/01/2018, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi 124m^2 đất trong diện tích 343m^2 đã bị thu hồi theo Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND huyện L đối với hộ gia đình ông Lâm Văn D.

Ngày 12/02/2018, ông Lâm Văn D có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh B với yêu cầu:

- Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện L;

- Đề nghị Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của ông Lê Bá T - Phó Chủ tịch UBND huyện L tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông theo Quyết

định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND huyện L là hành vi trái pháp luật;

Ông D đề nghị nhập vụ án hành chính này với vụ án hành chính do anh Lâm Văn S khởi kiện thành một vụ vì hai vụ này đều khởi kiện người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019 /HC-ST ngày 05/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, Điều 89, Điều 116, Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Khoản 2 Điều 26, Điều 27, Điều 28 Luật Đất đai năm 1993; Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 65, Điều 66, Điều 67 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP Chính phủ; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu của ông Lâm Văn D đề nghị hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh B.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 17/6/2019, ông Lâm Văn D có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lâm Văn D, ông Vi Văn V, anh Lâm Văn S và chị Vi Thị N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện UBND huyện L và đại diện UBND xã Q đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn D; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/02/2018, ông Lâm Văn D khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện L về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Lâm Văn D; đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án; Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý, giải quyết đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lâm Văn D đề nghị hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện L:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND: Chủ tịch UBND huyện L ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Lâm Văn D là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Ngày 11/11/1998, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1471/QĐ-CT về việc chuyển mục đích sử dụng 9.566m^2 đất nông nghiệp tại khu Ba Nhà Đổ, Thôn A, xã Q để giao đất ở cho nhân dân trong xã. Trong đó diện tích đất ở là 4.270m^2, đất hành lang đường và mương là 5.926m^2; duyệt phương án đền bù đất với số tiền là 28.211.400 đồng; duyệt mức giá đất là 4.270m^2 x 80.000 đồng/m^2 = 341.600 đồng; giao chủ tịch UBND huyện L xét duyệt đối tượng được giao đất. Việc chuyển 9.566m^2 đất nông nghiệp trên là của 18 hộ gia đình, trong đó có hộ ông D với diện tích 480m^2. Việc ban hành Quyết định số 1471/QĐ-CT, việc UBND huyện L và UBND xã Q triển khai thực hiện Quyết định số 1471/QĐ-CT là được sự đồng thuận của các hộ dân có đất bị chuyển đổi, trong đó có hộ ông D. Do đề nghị của các hộ dân được nhận đất ở nên Sở Tài nguyên và Môi trường có tờ trình. Ngày 11/10/1999, Chủ tịch UBND tỉnh B có Quyết định số 1267/QĐ-CT đã giảm giá đất khi giao xuống 55.000 đồng/m^2; sau khi ban hành Quyết định số 1471/QĐ-CT và Quyết định số 1267/QĐ-CT nhưng chưa được thực hiện ngay nên các hộ có đất vẫn sử dụng để sản xuất.

[2.3] Năm 1999, UBND xã Q làm thủ tục cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho các hộ dân Thôn A; UBND xã Q đã xét duyệt, lập hồ sơ trình UBND huyện và được UBND huyện ban hành Quyết định số 324/QĐ-UB ngày 31/7/1999 cấp GCNQSD đất cho 1.632 hộ sử dụng đất nông nghiệp trong toàn xã. Do sai sót nên đã cấp cả phần diện tích đã được UBND tỉnh B cho phép chuyển mục đích sử dụng làm đất ở theo Quyết định số 1471/QĐ-CT, trong đó có diện tích đất 480m^2 của gia đình ông Lâm Văn D tại khu Ba Nhà Đổ, Thôn A đã được chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp sang đất ở theo Quyết định số 1471/QĐ-CT nêu trên. Cụ thể, ngày 31/7/1999 gia đình ông D được UBND huyện L cấp GCNQSD đất nông nghiệp trong đó có thửa số 203, tờ bản đồ số 14 diện tích 480m^2 tại khu Ba Nhà Đổ. Việc UBND huyện L cấp GCNQSD đất trên cho hộ ông D là sai; để khắc phục sai sót trong việc cấp GCNQSD đất nông nghiệp nêu trên; UBND huyện L ban hành Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 thu hồi GCNQSD đất nông nghiệp để chỉnh lý diện tích đúng với mục đích, hiện trạng sử dụng đất của các chủ sử dụng tại Thôn A, xã Q (trong danh sách có 18 hộ bị thu hồi có hộ ông Hứa Quốc C và hộ ông Lâm Văn D) nhưng hộ ông D không chấp hành. Ngày 23/10/2009, UBND huyện L đã ra Quyết định số 1314/QĐ-UBND thu hồi một phần diện tích đã cấp GCNQSD đất nông nghiệp năm 1999 cho ông Lâm Văn D; diện tích thu hồi 343m^2 trong thửa diện tích 480m^2 đất nông nghiệp tại khu Ba Nhà Đổ, Thôn A, xã Q.

[2.4] Năm 2001, UBND xã Q đã triển khai thực hiện tiếp Quyết định số 1471/QĐ-CT và Quyết định số 1267/QĐ-CT; chính quyền xã đã xác định hộ ông D bị thu hồi 480m^2 đất nông nghiệp, được bồi thường là 1.087.000 đồng và được nhận 174m^2 đất ở (có thu tiền). Ngày 15/7/2001, gia đình ông D đã nộp 8.521.000 đồng, cộng với 1.087.000 đồng được đều bù theo Quyết định số 1471/QĐ-CT, tổng là 9.608.000 đồng. Ngày 23/01/2003, gia đình ông D được cấp GCNQSD diện tích 174m^2 đất ở đứng tên anh Lâm Văn S (con trai ông D). Như vậy, là gia đình ông D đã đồng ý thực hiện theo Quyết định số 1471/QĐ-CT về phần quyền (đã nhận phần được đền bù) mà gia đình ông được hưởng, nhưng gia đình ông D không thực hiện phần nghĩa vụ là nộp lại GCNQSD đất đã thu hồi và không trả lại phần đất nông nghiệp phải trả đã chuyển đổi theo Quyết định số 1471/QĐ-CT.

[2.5] UBND huyện L và UBND xã Q đã tiến hành vận động, thuyết phục, đối thoại nhiều lần nhưng hộ ông D vẫn không thực hiện. Do vậy, ngày 05/01/2018 Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi diện tích 124m^2 trong diện tích 343m^2 đã bị thu hồi theo Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND huyện L là đúng quy định và trình tự được quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Tại Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 đã ghi rõ "Diện tích cưỡng chế thu hồi đất là: 124m^2 (được xác định theo bản đồ đo đạc chỉnh lý mảnh trích đo địa chính thực hiện ngày 16/6/2011 được chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L đo vẽ tháng 12/2017). Chính quyền địa phương đã đến tại vị trí đất cưỡng chế để kiểm đếm tài sản trên đất, quá trình thu thập xác minh xác định tài sản trên đất xác định là thuộc quyền sở hữu của anh Lâm Văn S (con ông D) nên đã ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 để cưỡng chế tài sản trên đất đối với anh Lâm Văn S. Tại lời khai ông D cũng đã trình bày rất rõ về vị trí và ranh giới 124m^2 đất bị cưỡng chế; Luật sư cho rằng không xác định được 124m^2 đất cưỡng chế ở vị trí nào là không có căn cứ chấp nhận. Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn D đề nghị hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND là đúng; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D.

[3] Về án phí: Ông Lâm Văn D có đơn xin miễn án phí hành chính phúc thẩm vì là người cao tuổi, Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lâm Văn D.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo; không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn D; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST số 05/6/2019 của Toà án nhân dân tỉnh B, cụ thể:

Căn cứ Điều 32, Điều 89, Điều 116, Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Khoản 2 Điều 26, Điều 27, Điều 28 Luật Đất đai năm 1993; Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 65, Điều 66, Điều 67 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP Chính phủ; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác yêu cầu của ông Lâm Văn D đề nghị hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh B.

2. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh B phải thanh toán trả ông Lâm Văn D 2.500.000 đồng tiền chi phí giám định.

3. Án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm cho ông Lâm Văn D. Hoàn trả ông D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2010/000600 ngày 06/3/2018 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *Cục THADS tỉnh B;*
- *TAND tỉnh B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HSVA.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình